

Số: 11/KH-THYK

Yết Kiêu, ngày 14 tháng 8 năm 2023

## **KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2023 – 2024**

*Căn cứ Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 5 tháng 5 năm 2006 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông;*

*Căn cứ Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH, ngày 19 tháng 8 năm 2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn thực hiện nội dung hoạt động trải nghiệm cấp Tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 từ năm học 2020 - 2021;*

*Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;*

*Căn cứ Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 06 năm 2021 của Bộ Giáo dục & Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;*

*Căn cứ Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 11/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2023 -2024;*

*Căn cứ vào kết quả đạt được từ năm học 2022 - 2023 và tình hình thực tế của nhà trường trong năm học 2023 - 2024,*

Trường Tiểu học Yết Kiêu xây dựng Kế hoạch Giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 như sau:

### **I. I. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2023-2024**

#### **1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

##### **1.1 Thời cơ**

Yết Kiêu là xã có mặt bằng dân trí cao, người dân năng động sáng tạo mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế phát triển mạnh, đời sống nhân dân không ngừng cải thiện và ngày càng được nâng cao. Tình hình chính trị – xã hội luôn ổn định, cả 16 thôn đều được công nhận làng văn hoá, đảng bộ được công nhận trong sạch - vững mạnh. Xã Yết Kiêu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2018 và sáp nhập với xã Gia Hòa, xã Trùng Khánh thành xã Yết Kiêu từ năm 2019. Đảng ủy, chính quyền, các đoàn thể địa phương luôn quan tâm đến các hoạt động giáo dục, Ban đại diện Cha mẹ học sinh thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình trên mọi hoạt động của nhà trường, phối kết

hợp trong việc giáo dục học sinh; động viên thầy trò kịp thời trong mọi hoạt động; hỗ trợ thầy trò nhà trường nhiều mặt: tinh thần, vật chất để tu sửa cơ sở vật chất nhà trường;

Trường Tiểu học Yết Kiêu nằm ở trung tâm xã, được thành lập từ năm 1956. Năm 1994 trường được tách ra từ trường phổ thông cơ sở và chính thức mang tên là trường Tiểu học Yết Kiêu. Qua hơn 60 năm xây dựng và phát triển quy mô trường lớp ngày càng lớn mạnh, cơ sở vật chất ngày càng được quan tâm đầu tư. Hiện nay tổng diện tích của trường gồm 6766m<sup>2</sup> đạt bình quân gần 10m<sup>2</sup>/học sinh. Nhà trường có đầy đủ các hạng mục công trình, cảnh quan, khuôn viên được bố trí hợp lý đáp ứng nhu cầu học tập, vui chơi giải trí của học sinh và cán bộ giáo viên. Nhà trường hiện có 22 phòng học kiên cố cao tầng và 11 phòng chức năng. Cơ sở vật chất nhà trường đảm bảo theo yêu cầu trường đạt chuẩn quốc gia. Cảnh quan nhà trường khang trang, sạch đẹp, môi trường giáo dục đảm bảo tốt theo yêu cầu.

Thư viện đạt Thư viện mức 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường phổ thông, có đủ sách, báo, tạp chí, tài liệu, sách tham khảo, sách nghiệp vụ đáp ứng tốt yêu cầu học tập, nghiên cứu của giáo viên, nhân viên và học sinh. Thiết bị dạy học đầy đủ theo yêu cầu dạy học ở tất cả các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5. Hàng năm trường thường xây dựng kế hoạch bổ sung kinh phí và tạo nguồn kinh phí để mua sắm thiết bị dạy học, xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất chuẩn bị triển khai chương trình giáo dục phổ thông mới. Chất lượng giáo dục toàn diện ổn định; giáo dục mũi nhọn đạt thành tích xuất sắc. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học được củng cố và giữ vững. Tập trung xây dựng các kế hoạch và chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, đội ngũ để triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với khối lớp 5.

Nhiều gia đình học sinh có mạng Internet, máy tính các đồ dùng công nghệ số... Trình độ công nghệ của một số phụ huynh học sinh có thể hỗ trợ học sinh trong các hoạt động học tập, giáo dục, vui chơi...thuận lợi phối hợp các lực lượng cũng như triển khai học các môn liên quan đến công nghệ.

## **1.2 Thách thức**

Trên địa bàn xã Yết Kiêu, nhiều phụ huynh học sinh là công nhân, đi làm ăn xa

và làm thêm giờ nhiều không có thời gian chăm sóc giúp đỡ các con nhất là HS lớp 1, lớp 2.

Nhiều gia đình trong xã, việc dạy và rèn kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tự phục vụ cho con em còn rất hạn chế, bố mẹ đi làm công ty để con cái cho ông bà chăm sóc nên cũng ảnh hưởng đến hiệu quả giáo dục của nhà trường.

Vì ở vùng nông thôn nên học sinh ít có điều kiện tiếp xúc với ngoại ngữ và các hoạt động nghệ thuật. Địa phương có rất ít địa điểm để học sinh được tham gia các hoạt động vui chơi, giải trí và trải nghiệm.

## **2. Đặc điểm của nhà trường năm học 2023 – 2024**

### **2.1 Cơ cấu tổ chức:**

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy đảm bảo theo Điều lệ trường tiểu học. Bao gồm: 1 hiệu trưởng, 01 phó hiệu trưởng, 3 tổ chuyên môn và 01 tổ văn phòng.

Trường có Hội đồng trường, Hội đồng thi đua khen thưởng và các hội đồng tư vấn khác; có chi bộ Đảng gồm 29 đảng viên, công đoàn cơ sở gồm 35 công đoàn viên; chi đoàn có 11 đoàn viên và Liên đội TNTPHCM.

### **2.1 Đặc điểm học sinh**

Trường có 679 học sinh chia thành 22 lớp.

Tỷ lệ HS/ lớp: 31 HS/lớp.

Cụ thể

Khối	Số lớp	Số HS	Số HS nữ	Số HS nam	HSKT	Trẻ mồ côi	Con hộ nghèo	Con hộ cận nghèo	HS lưu ban
1	4	136	42	55	0	0	3	2	3
2	4	107	49	37	0	0	1	4	0
3	5	151	44	54	1	0	2	3	0
4	4	140	41	59	0	0	1	3	0
5	5	145	50	69	0	0	2	9	0
<b>Cộng</b>	<b>22</b>	<b>679</b>	<b>226</b>	<b>274</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>10</b>	<b>21</b>	<b>3</b>

## 2.2 Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

Tổng số giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý: 36 ( Trong đó có 1 nhân viên bảo vệ)

Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,4

Cụ thể:

TT	CBQL, giáo viên, nhân viên	SL	Giới tính		Độ tuổi				Trình độ đào tạo			VC	ĐV
			Nam	Nữ	≤ 30	31-40	41-50	> 50	CD	ĐH	Sau ĐH		
<b>Cán bộ quản lý</b>		<b>2</b>		<b>2</b>				<b>2</b>		<b>2</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>2</b>
1.	Hiệu trưởng	1		1				1		1	0	1	1
2.	Phó hiệu trưởng	1		1		0	0	1		1	0	1	1
<b>Giáo viên</b>		<b>30</b>	<b>7</b>	<b>23</b>	<b>6</b>	<b>13</b>	<b>9</b>	<b>2</b>		<b>30</b>	<b>0</b>	<b>28</b>	<b>24</b>
1.	GV dạy môn cơ bản	24	6	18	4	10	8	2		24	0	23	21
2.	GV dạy môn chuyên	6	1	5	2	3	1	0		6	0	5	3
2.1	Ngoại ngữ	2	0	2	1	1	0	0		2	0	1	
2.2	Tin học và Công nghệ	1	0	1	0	1	0	0		1	0	1	
2.3	Giáo dục thể chất	1	1	0	1	0	0	0		1	0	1	
2.4	Nghệ thuật ( Âm nhạc)	1	0	1		1	0	0		1	0	1	
2.5	Nghệ thuật ( Mĩ thuật)	1	0	1	0	0	1	0		1	0	1	
<b>Nhân viên</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>		<b>3</b>	<b>1</b>	<b>2</b>	<b>2</b>	<b>1</b>	<b>0</b>	<b>3</b>	<b>3</b>
1.	Thư viện, thiết bị	1	0	1		1	1		1		0	1	1
2.	Văn thư - Kế toán	1	1	0		1	0	1		1	0	1	1
3.	Thủ quỹ - Y tế	1	0	1		1	0	1	1		0	1	1
<b>Tổng</b>		<b>35</b>	<b>8</b>	<b>27</b>	<b>5</b>	<b>11</b>	<b>9</b>	<b>3</b>	<b>2</b>	<b>33</b>	<b>0</b>	<b>33</b>	<b>29</b>

Đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên đã hoàn thành chương trình BDTX chương trình GDPT 2018; được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn về chương trình, sách giáo khoa đảm bảo để tổ chức dạy học các môn học/hoạt động giáo dục theo Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1,2,3,4 và triển khai dạy học 2 buổi/ngày cho 100% học sinh.

Năm học 2023-2024, đối chiếu với Thông tư 16/2017 ngày 12/7/2017 HD danh mục khung vị trí việc làm trong các cơ sở GDPT công lập nhà trường đủ GV về số lượng và cơ cấu.

### 2.3 Về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

Hạng mục công trình	Thực trạng			
	Đơn vị tính	SL	DT (m <sup>2</sup> )	Ghi chú
<b>1. Khối phòng hành chính quản trị</b>	phòng			
Phòng Hiệu trưởng	phòng	1	19	
Phòng phó HT	phòng	1	19	
Văn phòng	phòng	1	70	
Phòng của các tổ chức Đảng, đoàn thể	phòng	1	19	
Phòng bảo vệ	phòng	1	18	
Khu vệ sinh GV, CB, NV		1	19	
Khu để xe của GV, CB, NV		1	75	
<b>2. Khối phòng học tập</b>	<b>phòng</b>			
Phòng học	phòng	22	48	DT 1 phòng
Phòng học bộ môn Tin học	phòng	1	70	
Phòng học bộ môn Ngoại ngữ	phòng	1	38	
Phòng học bộ môn Mĩ thuật	phòng	1	48	
<b>3. Khối phòng hỗ trợ học tập</b>				
Thư viện		1		
+ Kho sách		1	20	Ghép với phòng đọc GV
+ Phòng đọc HS		1	70	
+ Phòng đọc giáo viên		1	19	
Phòng thiết bị giáo dục	phòng	1	38	
Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ HSKT	phòng	1	19	Ghép với phòng Y tế
Phòng truyền thống	phòng	1	19	
Phòng Đội	phòng	1	19	
<b>4. Khối phụ trợ</b>				
Phòng họp	phòng	1	70	
Phòng y tế	phòng	1	19	
Nhà kho	phòng	1		
Khu để xe học sinh	khu	1		

Khu vệ sinh học sinh	kh	2	50	
Cổng, tường bao			1.140	
<b>5. Khu sân chơi, TDTT</b>				
Sân chơi	m <sup>2</sup>	1	1.991	
Bãi tập	m <sup>2</sup>	1	1000	
<b>6. Khối phục vụ sinh hoạt</b>				
Nhà ăn	m <sup>2</sup>	1	100	
Phòng ngủ bán trú	m <sup>2</sup>	1	300	
<b>7. Hạ tầng kỹ thuật</b>				
Hệ thống cấp điện		1	2	Công tơ
Hệ thống phòng cháy, chữa cháy		1	30	Bình
Hạ tầng công nghệ thông tin		1		
Khu thu gom rác thải		1		

Đồ dùng, thiết bị phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục

STT	Tên thiết bị, đồ dùng dạy học	Số lượng	Tình trạng	Ghi chú
1	Bàn ghế HS	<b>350 bộ</b>	Đảm bảo tiêu chuẩn	
2	Bàn ghế GV	<b>22</b>	Đảm bảo tiêu chuẩn	
3	Bảng lớp	<b>22</b>	Đảm bảo tiêu chuẩn	
4	Tủ lớp	<b>22</b>	Đảm bảo tiêu chuẩn	
5	Ti vi thông minh	<b>22</b>	Sử dụng bình thường	
6	Máy chiếu	<b>3</b>	1 máy đã cũ	
7	Máy vi tính	<b>34</b>	26 máy hoạt động	
8	Loa, Âm li	<b>3 bộ</b>	Sử dụng bình thường	
9	Đàn	<b>12</b>	Sử dụng bình thường	
10	Giá vẽ	<b>20</b>	Sử dụng bình thường	
11	Đồ dùng dạy học	05 bộ đồ dùng dạy học theo CT 2006. Có 04 bộ đồ dùng lớp 1 dành cho CT GDPT 2018		

- Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học
- Diện tích khuôn viên: 6766 m<sup>2</sup> (trong đó: diện tích sân chơi, bãi tập: 2800 m<sup>2</sup>).
- Khối phòng hành chính quản trị : có 5 Phòng: HT; PHT; VP; PBV; nhà vệ sinh GV.

- Khối phòng học: 22 phòng/22 lớp; đủ bàn ghế thiết bị phục vụ học tập.
- Có 01 phòng học bộ môn Tin học; 01 phòng học Tiếng Anh; 01 phòng Mỹ thuật
- Khối phòng hỗ trợ học tập: có phòng Thư viện, phòng thiết bị, phòng Đội thiếu niên.
  - Khối phòng phụ trợ: Có phòng y tế, phòng hội họp, phòng nghỉ GV, Nhà kho và 0 khu vệ sinh HS; có sân chơi, sân thể dục, tường bao bảo vệ, cổng trường gắn biển và tên trường;
  - Thiêu 01 phòng đa chức năng, Phòng tư vấn tâm lí, phòng Âm nhạc, phòng tổ chức Đảng, đoàn thể, nhà xe của học sinh, bếp nấu cơm bán trú, phòng truyền thống, khu vệ sinh học sinh chưa đủ,...
  - Tổng diện tích: 6766 m<sup>2</sup>; Đạt 10m<sup>2</sup>/hs
  - + Sân chơi: 2000 m<sup>2</sup>; Đạt 3,0m<sup>2</sup>/hs;
  - + Bãi tập: 800 m<sup>2</sup>; Đạt 1,0m<sup>2</sup>/hs;
  - Nhà trường có đầy đủ phòng học đảm bảo 01 phòng học/ lớp, có đầy đủ các phòng học bộ môn và các phòng chức năng, nhà đa năng phục vụ hoạt động dạy học và giáo dục. Các phòng được trang bị tương đối đầy đủ các trang thiết bị, 100% bàn ghế học sinh đảm bảo theo quy định, thư viện hoạt động có hiệu quả.
  - Có đủ công trình vệ sinh (02 phòng vệ sinh), có hệ thống nước sạch đảm bảo phục vụ tốt cho nhu cầu của CBGV và học sinh. Trong các phòng học có trang bị đầy đủ bàn ghế giáo viên, học sinh, bảng chống loá đúng quy cách, đảm bảo chất lượng; hệ thống ánh sáng, hệ thống quạt, tủ đựng đồ dùng, sách vở, tủ sách thư viện, bình nước uống đảm bảo đạt yêu cầu; các phòng học đều có ti vi kết nối Internet phục vụ cho công tác dạy và học.
  - Thiết bị dạy học đối với lớp 1 mỗi lớp học có 01 bộ đồ dùng dạy học dùng chung và mỗi học sinh lớp 1,2,3, 4 có 01 bộ đồ dùng học sinh. Các lớp 5 sử dụng thiết bị đã cấp hiện có và bổ sung thiết bị dạy học tự làm của GV và HS.
  - Các phòng học bộ môn được trang bị thiết bị dạy học tối thiểu dành cho môn học. Phòng Tin học có 26 (hoạt động được 18 máy tính) máy tính kết nối Internet, phòng Tiếng Anh có tivi kết nối Internet,.

## 2.5. Về tài liệu dạy học

- Đối với lớp 1,2,3,4 nhà trường đã lựa chọn và sử dụng sách giáo khoa trong danh mục phê duyệt của Bộ GD-ĐT, của UBND tỉnh Hải Dương.

TT	TÊN SÁCH	Bộ sách	Nhà xuất bản
1.	Tiếng Việt 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
2.	Toán 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
3.	Đạo đức 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
4.	TNXH 1,2,3	Cánh diều	NXB ĐHSP TP HCM

5.	Giáo dục thể chất 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống (Lớp 1,2)	NXB Giáo dục Việt Nam
		Cánh diều (Lớp 3,4)	NXB ĐHSP TP HCM
6.	Âm nhạc 1,2,3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
7.	Mĩ thuật 1	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục	NXB Giáo dục Việt Nam
8.	Mĩ thuật 2,3,4	Chân trời sáng tạo	NXB Giáo dục Việt Nam
9.	Hoạt động trải nghiệm 1,2,3,4	Cánh diều	NXB ĐHSP TP HCM
10.	Tin học 3,4	Tin học 3, 4 (Tổng Chủ biên: Lê Khắc Thành)	NXB Đại học Vinh
11.	Công nghệ 3,4	Kết nối tri thức với cuộc sống	NXB Giáo dục Việt Nam
12.	Tài liệu GD ĐP	Sở GD&ĐT Hải Dương biên tập	
13.	Tiếng Anh 3, 4	Global Success	NXB Giáo dục VN

Đối với lớp 5, nhà trường đã sử dụng bộ sách giáo khoa theo chương trình Giáo dục phổ thông 2006 của Bộ GD&ĐT.

## ***2.6. Đánh giá thuận lợi, khó khăn ảnh hưởng đến việc tổ chức thực hiện chương trình***

### ***a) Thuận lợi***

- Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của Phòng Giáo dục và Đào tạo Gia Lộc, Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Dương

- Đảng, Chính quyền, các đoàn thể và cha mẹ học sinh thường xuyên chăm lo đến công tác giáo dục học sinh và xây dựng cơ sở vật chất nhà trường.

- Có đầy đủ cơ cấu giáo viên các bộ môn: GV dạy văn hóa: 24; GV dạy Âm nhạc: 01; GV dạy môn GDTC: 01; GV dạy Mỹ thuật: 01; GV dạy Ngoại ngữ : 02 (trong đó 01 GV hợp đồng); GV dạy Tin học: 01

- CBQL nhà trường nhiệt tình, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, có năng lực chuyên môn vững vàng, tích cực tự học, tự bồi dưỡng, nghiên cứu. có uy tín trước học sinh, đồng nghiệp, cán bộ và nhân dân địa phương.

- Tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống tốt; thực hiện tốt các cuộc vận động và phong trào thi đua.

### ***b, Khó khăn***

- CBQL và một số giáo viên khả năng tiếp cận sự đổi mới đôi lúc còn hạn chế so với yêu cầu.



- Một số phòng học và phòng chức năng đang sử dụng tạm thời do thiếu phòng học nên khó khăn và ảnh hưởng trong việc tổ chức một số hoạt động;
- Đồ dùng phục vụ cho dạy và học chưa đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu đổi mới phương pháp dạy học. Một số thiết bị dạy học hiện đại còn thiếu.
- Một số học sinh chưa biết cách tự học, chưa thực sự chăm chỉ, tích cực tham gia các nhiệm vụ học tập và rèn luyện tại trường.

## II. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024

### 1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Đổi mới quản lý trường học, nâng cao năng lực cán bộ và giáo viên đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, bồi dưỡng cán bộ và giáo viên theo chuẩn.

Duy trì các tiêu chuẩn của trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, kiểm định chất lượng cấp độ 2, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, học sinh năng khiếu, các hoạt động trải nghiệm.

Xây dựng cơ sở vật chất khang trang, trang thiết bị đầy đủ, đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của giáo dục.

**2. Chỉ tiêu cụ thể** (Chi tiêu về phẩm chất, năng lực học sinh sẽ đạt được sau khi kết thúc một năm học đối với từng khối lớp; số lượng, chất lượng các môn học và hoạt động giáo dục nhà trường cam kết thực hiện trong năm học)

### 2.1 Chất lượng giáo dục

Chất lượng giáo dục	Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5		Toàn trường	
	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)	Số lượng	Tỉ lệ (%)
<b>I. Các môn học và hoạt động giáo dục</b>												
<b>1. Tiếng Việt</b>												
Hoàn thành tốt	83	61,0	68	63,5	88	58,7	56	40,0	41	28,3	336	49,6
Hoàn thành	51	37,5	39	36,5	62	41,3	84	60,0	104	71,7	340	50,1
Chưa HT	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,3
<b>2. Toán</b>												
Hoàn thành tốt	86	63,2	71	66,3	96	64,0	65	46,4	48	33,1	366	54,0
Hoàn thành	49	36,0	36	33,7	54	36,0	75	53,6	97	66,9	311	45,9
Chưa HT	1	0,8	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0,1
<b>3. Đạo đức</b>												
Hoàn thành tốt	87	64,0	73	68,2	100	66,7	74	52,9	60	41,4	394	58,1





<b>học, chăm làm</b>	Tốt									66	45.5	66	45.5	
	Đạt									79	54.5	79	54.5	
	CCG									0	0	0	0	
<b>Tự tin, trách nhiệm</b>														
	Tốt									66	45.5	66	45.5	
	Đạt									79	54.5	79	54.5	
<b>Trung thực, kỉ luật;</b>														
	Tốt									70	48.3	70	48.3	
	Đạt									75	51.7	75	51.7	
<b>Đoàn kết, yêu thương</b>														
	Tốt									66	45.5	66	45.5	
	Đạt									79	54.5	79	54.5	
CCG									0	0	0	0		
<b>III. Năng lực</b>														
<b>1. Lớp 1,2, 3, 4</b>														
<b>1.1 Năng lực chung</b>														
<b>Tự chủ và tự học</b>														
	Tốt	83	61,0	64	59,8	100	66,7	95	67,9			345	64,7	
	Đạt	51	37,5	43	40,2	50	33,3	45	32,1			188	35,3	
CCG	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0			0	0	
<b>Giao tiếp và hợp tác</b>														
	Tốt	83	61,0	67	62,6	100	66,7	92	65,7			345	64,7	
	Đạt	51	37,5	40	37,4	50	33,3	48	34,3			188	35,3	
CCG	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0			0	0	
<b>Giải quyết vấn đề và sáng tạo</b>														
	Tốt	83	61,0	64	59,8	100	66,7	93	66,4			340	63,8	
	Đạt	51	37,5	43	40,2	50	33,3	47	33,7			193	36,2	
CCG	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0			0	0	
<b>1.2. Năng lực đặc thù</b>														
<b>Ngôn ngữ</b>														
	Tốt	83	61,0	68	63,5	138	92,0	66	47,1			355	66,6	
	Đạt	51	37,5	39	36,5	12	8,0	74	52,9			178	33,4	
CCG	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0			0	0	

<b>Tính toán</b>	Tốt	86	63,2	71	66,3	100	66,7	84	60,0			341	64,0
	Đạt	49	36,0	36	33,7	50	33,3	56	40,0			192	36,0
	CCG	1	0,8	0	0	0	0	0	0			0	0
<b>Công nghệ</b>	Tốt					100	66,7	64	45,7			164	56,6
	Đạt					50	33,3	76	54,3			126	43,4
	CCG					0	0	0	0			0	0
<b>Khoa học</b>	Tốt	87	64,0	74	69,1	100	66,7	75	53,6			336	63,0
	Đạt	49	36,0	33	30,9	50	33,3	65	46,4			197	37,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
<b>Thẩm mĩ</b>	Tốt	87	64,0	72	67,2	129	86,0	75	53,6			333	62,5
	Đạt	49	36,0	35	32,8	21	14,0	65	46,4			200	37,5
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
<b>Tin học</b>	Tốt			64	59,8	100	66,7	64	45,7			228	57,4
	Đạt			43	40,2	50	33,3	76	54,3			169	42,6
	CCG			0	0	0	0	0	0			0	0
<b>Thể chất</b>	Tốt	87	64,0	77	71,9	138	92,0	79	56,4			389	73,0
	Đạt	49	36,0	30	28,1	12	8,0	61	43,6			144	27,0
	CCG	0	0	0	0	0	0	0	0			0	0
<b>2. Lớp 5</b>													
<b>Tự phục vụ, tự quản</b>	Tốt									45	31,0	45	31,0
	Đạt									100	69,0	100	69,0
	CCG									0	0	0	0
<b>Hợp tác</b>	Tốt									50	34,5	50	34,5
	Đạt									95	65,5	95	65,5
	CCG									0	0	0	0
<b>Tự học và giải quyết</b>	Tốt									45	31,0	45	31,0

vấn đề	Đạt									100	69,0	100	69,0
	CCG									0	0	0	0
<b>IV. Xếp loại GD</b>													
<b>Lớp 1,2,3,4</b>													
HT xuất sắc	71	52,2	54	50,5	69	46,0	38	27,1			232	43,5	
HT tốt	12	8,8	14	13,1	21	14,0	30	21,4			66	12,4	
Hoàn thành	51	37,5	39	36,4	60	40	72	51,5			233	43,7	
Chưa HT	2	1,5	0	0	0	0	0	0			2	0,4	
<b>IV. Khen thưởng</b>													
<b>Lớp 1,2,3,4</b>													
HS Xuất sắc	71	52,2	54	50,9	69	46,0	38	27,1			232	43,5	
HS Tiêu biểu/có tiến bộ	12	8,8	14	13,2	21	14,0	30	21,4			66	12,4	
<b>Lớp 5</b>													
HS HTXS nội dung HT&RL										35	24,1	35	24,1
HS có thành tích vượt trội										29	20,0	29	20,0
<b>V. Hoàn thành chương trình lớp học, HTCT tiểu học</b>													
Hoàn thành	134	98,5	107	100	150	100	140	100	145	100	677	99,7	
Chưa HT	2	1,5	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0,3	

## 2.2 Các hoạt động giáo dục khác

- 100% học sinh được tham gia các hoạt động: văn nghệ, thể dục thể thao, các hoạt động tập thể, ngoài giờ lên lớp, được chăm sóc sức khỏe ban đầu và được đánh giá xếp loại thể lực từ Đạt trở lên trong đó 90% học sinh xếp loại Khá và Tốt.

- 100% học sinh có thói quen đọc sách và được tư vấn tâm lý.
- Có học sinh tham gia cuộc thi, giao lưu trên mạng các cấp và đạt giải.
- Tham gia 100% các cuộc thi do các cấp phát động.
- 100% học sinh thực hiện đúng luật ATGT.

## III. TỔ CHỨC DẠY HỌC CÁC MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

### 1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

T	Hoạt động giáo	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII	Tổng	HKI	HKII

	đục															
<b>1. Môn học /hoạt động giáo dục bắt buộc</b>																
1	TV	<b>420</b>	216	204	<b>350</b>	180	170	<b>245</b>	126	119	<b>245</b>	126	119	<b>280</b>	144	136
2	T	<b>105</b>	54	51	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85	<b>175</b>	90	85
3	ĐĐ	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
4	TN&XH	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34						
5	KH										<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
6	LS&ĐL										<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
7	GDTC	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34
8	ÂN	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
9	MT	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
10	Tin học&CN - KT							<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>35</b>	18	17
11	Tiếng Anh							<b>140</b>	72	68	<b>140</b>	72	68			
12	HĐTN(SH dưới cờ, SH lớp, chủ điểm)	<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51			
13	<b>GDTT</b> SH dưới cờ, SH lớp, HĐNGLL)													<b>105</b>	54	51
<b>2. Môn học tự chọn</b>																
1	NN1 (T.A)	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34							<b>140</b>	72	68
2	Tin học				<b>35</b>	18	17							<b>35</b>	18	17
<b>3. Hoạt động củng cố, tăng cường</b>																
1	TV tăng	<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51	<b>105</b>	54	51	<b>70</b>	36	34	<b>35</b>	18	17
2	T tăng	<b>105</b>	54	51	<b>70</b>	36	34	<b>70</b>	36	34	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
3	GDKNS	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17	<b>35</b>	18	17
4.	HĐGD theo lớp	<b>17</b>	8	9	<b>17</b>	8	9	<b>17</b>	8	9	<b>17</b>	8	9	<b>17</b>	8	9
<b>1. Hoạt động giáo dục tập thể tập trung toàn trường</b>																
		<b>18</b>	10	8	<b>18</b>	10	8	<b>18</b>	10	8	<b>18</b>	10	8	<b>18</b>	10	8

<b>Tổng</b>	<b>1225</b>	<b>630</b>	<b>595</b>	<b>1225</b>	<b>630</b>	<b>595</b>	<b>1225</b>	<b>630</b>	<b>595</b>	<b>1225</b>	<b>630</b>	<b>595</b>	<b>1225</b>	<b>630</b>	<b>595</b>
-------------	-------------	------------	------------	-------------	------------	------------	-------------	------------	------------	-------------	------------	------------	-------------	------------	------------

## 2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia	Thời lượng (dự kiến)
Tháng 9/2023	Vui đến trường	Khai giảng năm học mới	Tập trung	5/9/2023	Toàn trường	CMHS	2 tiết
		Vui Tết Trung thu	Tập trung	29/9/2023	GVCN, HS	CMHS	1 tiết
Tháng 10/2023	Chăm ngoan, học giỏi	Vẽ tranh, tạo thiệp, viết lời yêu thương tặng bà, mẹ và cô giáo nhân ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10	Tập trung	Tổ chức vào tiết 7 chiều thứ sáu 20/10/2023	GVCN, HS, TPT Đội, GVMT		1 tiết
Tháng 11/2023	Tri ân thầy cô	Liên hoan văn nghệ	Tập trung	20/11/2023	Toàn trường	CMHS	2 tiết
Tháng 12/2023	Uống nước nhớ nguồn	Hội khỏe Phù Đổng	Tập trung	22/12/2023	Toàn trường	CMHS	3 tiết
Tháng 01/2024	Chào xuân mới- Mừng Đảng quang vinh	Ngày hội STEM “Khơi nguồn sáng tạo”	Tập trung	06/2/2024	GVCN, HS	CMHS	4 tiết
Tháng 02/2024	Tự hào Đoàn ta	CT ngoại khóa Văn hóa học đường - Phòng chống xâm hại trẻ em.	Tập trung	Tiết 1 sáng thứ hai 19/02/2024	Toàn trường	Công ty GDKNS APOL LO-EDU	1 tiết
Tháng 3/2024	Thiếu nhi vui khỏe- tiến bước lên Đoàn	Ngày hội TN vui khỏe	Tập trung	26/03/2024	Toàn trường	CMHS, Đoàn TN xã	3 tiết
Tháng 4/2024	Ngày hội non sông	Tổ chức Ngày hội đọc sách; ngày Giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước.	Tập trung toàn trường	Chiều thứ sáu 19/4/2024	Toàn trường	Nhân viên TV	3 tiết
Tháng 5/2024	Tự hào truyền thống đội viên	Kỷ niệm ngày thành lập Đội TNTP HCM; 134	Tập trung	Tiết 1 sáng thứ hai	Toàn trường	Nhân viên TV	1 tiết



		năm ngày sinh nhật Bắc Hồ.		13/5/20 24			
--	--	-------------------------------	--	---------------	--	--	--

Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường

ST T	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/ quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, tập thể dục, múa hát tập thể.	Theo lớp	7h - 7 h15'	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
2	Hoạt động giữa buổi học	Vui chơi, đọc sách, truyện.	Toàn trường	Vào giờ ra chơi giữa buổi sáng	Tại sân trường	
3	Bán trú	Vệ sinh cá nhân	HS bán trú	10h25' - 10h45'	Khu vệ sinh	
		Ăn trưa	HS bán trú	10h45 - 11h30'	Nhà ăn	
		Nghỉ ngơi sau ăn	HS bán trú	11h30' - 12h	Phòng ngủ	
		Ngủ trưa	HS bán trú	12h - 13 h15'	Phòng ngủ	
		Vui chơi, đọc sách...	HS bán trú	13h15' - 13h45	Thư viện thân thiện	
4	Sinh hoạt đầu giờ	Kiểm tra sĩ số, truy bài	Theo lớp	13 h45' - 14h	Tại lớp	HS tự quản, TPT, GVTB theo dõi
5	Sinh hoạt câu lạc bộ	Tập thể dục thể thao, múa, hát, nhảy, rèn kỹ năng Tiếng Anh, Tin học...	Theo nhóm	16h30 - 17h30	Sân trường, nhà đa năng, phòng học bộ môn	

### 3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2023-2024 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

#### 3.1 Kế hoạch thời gian năm học 2023 – 2024

Thực hiện theo Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 11/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024 – 2024. Cụ thể đối với cấp tiểu học:

Ngày tựu trường: 21/8/2024 (đối với khối lớp 1); 28/8/2024 (lớp 2,3,4,5).

Ngày khai giảng: 5/9/2023

Học kỳ 1: Từ ngày 5/9/2023 đến ngày 12/01/2024.

Học kỳ 2: Từ ngày 15/01/2024 đến ngày 24/5/2024

Ngày kết thúc năm học: 31/5/2024

Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2024

Hoàn thành tuyển sinh lớp 1 năm học 2024 - 2025 trước ngày 24/7/2024

Thời gian thực hiện chương trình cụ thể từng tuần như sau:

HK	Tháng	Tuần	Ngày trong tuần	Số buổi học
Học kỳ I	9 /2023	1	5/9 - 10/9/2023	8 buổi
		2	11/9 - 17/9	10 buổi
		3	18/9 - 24/9	10 buổi
		4	25/9 - 1/10	10 buổi
	10 /2023	5	2/10 - 8/10	10 buổi
		6	9/10 - 15/10	10 buổi
		7	16/10 - 22/10	10 buổi
		8	23/10 - 29/10	10 buổi
	11 /2023	9	31/10 - 5/11	10 buổi
		10	6/11 - 12/11	10 buổi
		11	13/11 - 19/11	10 buổi
		12	20/11 - 26/11	10 buổi
		13	27/11 - 03/12	10 buổi
	12 /2023	14	4/12 - 10/12	10 buổi
		15	11/12 - 17/12	10 buổi
		16	18/12 - 24/12	10 buổi
		17	25/12 - 31/12	10 buổi
Học kỳ II	1/2024	18	01/01- 07/01	8 buổi
		Đ1	08/01 - 14/01	8 buổi
		19	15/01 - 21/01	10 buổi
		20	22/01 - 28/01	10 buổi
	2/2024	21	29/01 - 04/02	10 buổi
			05/02 - 11/02	<b>Nghỉ tết Nguyên đán</b>
		22	12/02 - 18/02	6 buổi
	3/2024	23	19/02 - 25/02	10 buổi
		24	26/02 - 03/3	10 buổi
		25	04/3- 10/3	10 buổi
26		11/3 - 17/3	10 buổi	
27		18/3 - 24/3	10 buổi	

		28	25/3 - 31/3	10 buổi
	4/2024	29	01/4 - 07/4	10 buổi
		30	8/4 - 14/4	10 buổi
		31	15/4 - 21/4	8 buổi
		32	22/4 - 28/4	10 buổi
		5/2024	33	29/4 - 5/5
	34		6/5 - 12/5	10 buổi
	35		13/5 - 19/5	10 buổi
	<b>Đ2</b>		20/5 - 24/5	6 buổi
			27/5 - 31/5	Tổng kết

### 3.2 Số lượng tiết học và Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

#### 3.2.1 Lớp 1:

##### a) Số lượng tiết học

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	420	
2	Toán	105	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	245	
11	+ Tiếng Việt tăng	105	
12	+ Toán tăng	105	
14	+ GDKN sống	35	
16	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)
17	HĐGD theo khối lớp	17	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn

20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	630	
22	Tổng số tiết học kỳ II	595	
<b>23</b>	<b>Tổng số tiết cả năm học</b>	<b>1225</b>	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo).

### 3.2.2 Lớp 2:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	350	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mĩ thuật	35	
8	Hoạt động trải nghiệm	105	
9	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	70	
10	Hoạt động củng cố tăng cường	245	
11	+ Tiếng Việt tăng	105	
12	+ Toán tăng	70	
14	+ Tin học	35	
15	+ GDKN sống	35	
16	Hoạt động GDT thể toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)
17	HĐGD theo khối lớp	17	
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn

20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3/2024 ÂL, 30/4,1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	630	
22	Tổng số tiết học kỳ II	595	
<b>23</b>	<b>Tổng số tiết cả năm học</b>	<b>1225</b>	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HĐGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

### 3.2.3 Lớp 3

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Tự nhiên và Xã hội	70	
5	Giáo dục thể chất	70	
6	Âm nhạc	35	
7	Mỹ thuật	35	
8	Tin học	35	
9	Công nghệ	35	
10	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
11	Hoạt động trải nghiệm	105	
12	Hoạt động củng cố tăng cường	210	
13	+ Tiếng Việt tăng	70	
14	+ Toán tăng	70	
15	+ GDKN sống	35	
16	HĐGD theo khối lớp	17	
17	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDTT Chào cờ)
18	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học
19	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn

20	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
21	Tổng số tiết học kỳ I	630	
22	Tổng số tiết học kỳ II	595	
<b>23</b>	<b>Tổng số tiết cả năm học</b>	<b>1225</b>	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HDGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và Hoạt động trải nghiệm kèm theo)

### 3.2.4 Lớp 4

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	245	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mỹ thuật	35	
9	Công nghệ	35	
10	Tin học	35	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Hoạt động trải nghiệm	105	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	140	
14	+ Tiếng Việt tăng	70	
15	+ Toán tăng	35	
16	+ GDKN sống	35	
18	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDĐT Chào cờ)
19	HĐGDTKL	17	
20	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học

21	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
22	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
23	Tổng số tiết học kỳ I	630	
<b>24</b>	Tổng số tiết học kỳ II	595	
<b>25</b>	<b>Tổng số tiết cả năm học</b>	<b>1225</b>	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HDGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Công nghệ và hoạt động TN kèm theo).

### 3.2.5 Lớp 5:

a) Số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục

TT	Nội dung	SL tiết học	Chi chú
1	Tiếng Việt	280	
2	Toán	175	
3	Đạo đức	35	
4	Khoa học	70	
5	Lịch sử và Địa lý	70	
6	Thể dục	70	
7	Âm nhạc	35	
8	Mĩ thuật	35	
9	Kĩ thuật	35	
10	Tin học	70	
11	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	140	
12	Giáo dục tập thể	70	
13	Hoạt động củng cố tăng cường	140	
14	+ Tiếng Việt tăng	35	
15	+ Toán tăng	35	
16	+ GDKN sống	35	
17	Hoạt động GD tập thể toàn trường	18	(không tính GDĐT Chào cờ)
18	HĐGDTKL	17	
19	Hoạt động theo nhu cầu người học		Ngoài giờ học

20	Sinh hoạt chuyên môn		Ngoài giờ học, vào tuần chẵn
21	Các ngày nghỉ trong năm		1/1/2024, 10/3 ÂL, 30/4, 1/5
<b>22</b>	<b>Tổng số tiết học kỳ I</b>	<b>630</b>	
<b>23</b>	<b>Tổng số tiết học kỳ II</b>	<b>595</b>	
	<b>Tổng số tiết cả năm học</b>	<b>1225</b>	

(có phụ lục Kế hoạch số tiết các môn học và HDGD theo tuần)

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5 (có phụ lục Kế hoạch dạy học môn Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Âm nhạc, Mĩ thuật, Kỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học và hoạt động giáo dục theo lớp kèm theo).

#### **IV- GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

##### **1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã đầu tư, tu bổ cơ sở vật chất cho nhà trường.

- Tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục bổ sung trang thiết bị dạy học cho nhà trường đáp ứng cho việc dạy và học đạt hiệu quả hơn.

- Tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ sử dụng thiết bị dạy học phù hợp và hiệu quả trong mỗi môn học đặc biệt là ứng dụng CNTT, số hóa hồ sơ.

- Tăng cường công tác quản lý, đôn đốc, kiểm tra, nhắc nhở GV, NV, HS có trách nhiệm sử dụng và bảo quản trang thiết bị CSVC nhà trường.

##### **2. Thực hiện công tác đội ngũ**

- Phân công nhiệm vụ cho CBGV, NV theo đúng năng lực, sở trường.

- Xây dựng kế hoạch tập huấn, bồi dưỡng phù hợp, lựa chọn đội ngũ giáo viên cốt cán, giáo viên dạy lớp 5 năm học 2024-2025 đảm bảo số lượng và chất lượng để bồi dưỡng, chuẩn bị tương tự đối với giáo viên lớp 5 cho năm học tới.

- Tạo điều kiện để giáo viên tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, động viên giáo viên tự học, tự bồi dưỡng.

- Tổ chức hội thi giáo viên dạy giỏi cấp trường, nhân rộng các tiết dạy có chất lượng, lựa chọn các tiết dạy có chất lượng để giáo viên chia sẻ học tập, nâng cao chuyên môn.

- Động viên giáo viên viết sáng kiến, có sáng kiến phạm vi ảnh hưởng cấp cơ sở, cấp tỉnh.

##### **3. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn**

- Tiếp tục thực hiện đổi mới nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn: nội dung sinh hoạt chuyên môn phải thể hiện rõ trong các nghị quyết họp tổ, nhóm. Thực hiện sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn 2 tuần/ lần;



- Tích cực tổ chức sinh hoạt chuyên môn thông qua dự giờ, nghiên cứu bài học theo công văn 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GDĐT. Tổ nhóm chuyên môn xây dựng kế hoạch, đề xuất biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn nghiệp vụ khi thực hiện Chương trình, sách giáo khoa mới.

- Nội dung sinh hoạt tổ chuyên môn tập trung giải quyết các vấn đề: Dạy học phát triển năng lực; nghiên cứu bài học; dự giờ, thăm lớp, rút kinh nghiệm trong tổ; triển khai các nội dung chuyên môn mới; tổ chức các chuyên đề đi sâu đổi mới phương pháp dạy học, các kỹ thuật dạy học, dạy học tích hợp, dạy học STEM. Mỗi tổ chuyên môn thực hiện tối thiểu 03 chuyên đề/năm học. Vận dụng các chuyên đề này một cách thiết thực nhằm đẩy mạnh chất lượng giảng dạy trong nhà trường.

#### **4. Chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục**

##### *4.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học*

- Chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07/6/2021. Cụ thể:

+ Xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học linh hoạt, chủ động, hiệu quả, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của địa phương, của nhà trường; đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học, kế hoạch thời gian năm học. Tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn tự chọn đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học, bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sự phạm không gây áp lực đối với học sinh. Linh hoạt trong tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh. Tạo điều kiện cho học sinh được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được áp dụng vào thực tiễn.

+ Xây dựng kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong sách giáo khoa, đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học của nhà trường, đối tượng học sinh. Trên cơ sở đó, giáo viên chủ động xây dựng kế hoạch bài dạy, đề xuất nội dung cần điều chỉnh, bổ sung, tích hợp, ..., xây dựng phân phối chương trình dạy học linh hoạt, phù hợp với đối tượng học sinh, điều kiện dạy học, đảm bảo các yêu cầu cần đạt của chương trình

- Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh.

- Tổ chức thực hiện lựa chọn sách giáo khoa lớp 5 theo quy định tại Thông tư 25/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 quy định việc lựa chọn sách giáo khoa trong cơ sở giáo dục phổ thông

#### 4.2. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 đối với lớp 1,2,3, 4

- Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 1,2,3,4 theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn, cụ thể:

+ Đảm bảo 1 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định tại Điều lệ Trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định; đảm bảo tỉ lệ giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

+ Thực hiện dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của chương trình gồm Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, TNXH, Âm nhạc, Mỹ thuật, GDTC, HĐTN; môn tự chọn: Ngoại ngữ 1 (Tiếng Anh), tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống địa phương.

+ Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học, mỗi tiết 35 phút. Kế hoạch giáo dục đảm bảo phân bổ hợp lý giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học. Sắp xếp thời khóa biểu một cách khoa học, đảm bảo tỉ lệ hợp lý giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lý về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

+ Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà. Căn cứ vào nhu cầu của học sinh, nhà trường tổ chức hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ, sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường để học sinh vui chơi, giải trí sau giờ học, đảm bảo an toàn, hiệu quả.

#### 4.3. Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2006 lớp 5

Trên cơ sở Chương trình GDPT 2006, nhà trường chủ động xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục đối với lớp 5 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh để chủ động tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

+ Thực hiện điều chỉnh nội dung dạy học một cách hợp lý nhằm đáp ứng yêu cầu, mục tiêu giáo dục tiểu học, phù hợp với đối tượng học sinh, từng bước thực hiện đổi mới nội dung, phương pháp dạy học theo hướng phát triển năng lực học sinh trên nguyên tắc đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng, phù hợp điều kiện thực tế. Rà soát tình hình nội dung chồng chéo, trùng lặp giữa các môn học, khối lớp, các nội dung quá khó không phù hợp với học sinh tiểu học. sắp xếp, điều chỉnh nội dung dạy học theo các

chủ đề học tập phù hợp với học sinh, không cắt xén cơ học mà tập trung đổi mới phương pháp, hình thức sao cho nhẹ nhàng, tự nhiên, hiệu quả, phát huy tính chủ động, sáng tạo của học sinh.

+ Chú trọng giáo dục đạo đức lối sống, giá trị sống, kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho học sinh. Tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn phù hợp điều kiện nhà trường, địa phương và khả năng của học sinh.

+ Tổ chức cho học sinh lớp 5 chuẩn bị học lớp 6 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo hướng dẫn tại công văn số 3799/BGDĐT-GDTH ngày 01/9/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

*4.4. Đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học và tổ chức triển khai các nội dung giáo dục tích hợp*

- Chủ động thực hiện các giải pháp công nghệ thông tin, dạy học trực tuyến đảm bảo các điều kiện theo quy định, phù hợp với điều kiện thực tế, năng lực giáo viên, khả năng của học sinh, tuân thủ các quy định của các cấp.

- Triển khai nội dung giáo dục tích hợp linh hoạt theo các hình thức phù hợp với thực tế địa phương, nhà trường và học sinh.

- Tham khảo những nội dung giáo dục tiên tiến của các mô hình giáo dục hiện đại để đưa vào kế hoạch giáo dục nhà trường một cách phù hợp với thực tế của địa phương.

*4.5. Tổ chức thực hiện hiệu quả nội dung tài liệu giáo dục địa phương Hải Dương*

**5. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh**

*5.1. Đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học*

- Tiếp tục vận dụng triệt để, hiệu quả các phương pháp dạy học và các kỹ thuật dạy học tích cực để thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất học sinh, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục nghiêm túc, linh hoạt, sáng tạo.

- Tăng cường tổ chức hội thảo, chuyên đề và chỉ đạo rút kinh nghiệm về phương pháp giảng dạy ở tất cả mọi khối lớp. Đổi mới hình thức chuyên đề như: Xây dựng tiết dạy theo nhóm, xem băng hình, đi thăm quan học tập những giáo viên, lớp điển hình của trường mình hoặc trường bạn...; tổ chức có hiệu quả các buổi sinh hoạt chuyên môn cấp trường, liên trường theo hướng nghiên cứu bài học, khuyến khích giáo viên tham gia sinh hoạt chuyên môn qua mạng thông tin trực tuyến, “trường học kết nối”;

- Xây dựng kho học liệu bài giảng điện tử.

*5.2. Tích cực đổi mới kiểm tra, đánh giá*

- Với lớp 5 tiếp tục đánh giá học sinh theo Thông tư 30/2014 ngày 28/4/2014 và Thông tư 22/2016 ngày 22/9/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Với học sinh lớp 1,2,3,4 thực hiện theo Quy định tại Thông tư số 27/2020 ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục đổi mới kiểm tra đánh giá theo định hướng phát triển năng lực và phẩm chất của học sinh. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

- Thực hiện bàn giao chất lượng giáo dục nghiêm túc, kiên quyết không để học sinh ngời nhăm lớp; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định.

## **6. Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh, Tin học**

### **6.1. Dạy học Tiếng Anh**

- Triển khai chương trình môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, 2 đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2010 của Bộ GDĐT.

- Dạy học tiếng Anh cho học sinh lớp 5 theo Chương trình thí điểm tiếng Anh cấp Tiểu học ban hành kèm theo Quyết định số 3321/QĐ-BGDĐT ngày 12/8/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Thực hiện dạy môn Tiếng Anh là môn học bắt buộc với thời lượng 4 tiết/tuần dành cho lớp 5.

- Thực hiện việc kiểm tra đánh giá theo quy định; chú trọng thực hiện đánh giá thường xuyên; bài kiểm tra định kỳ cần đánh giá đủ cả 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

- Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo thực hiện theo quy định của Bộ GDĐT

Lớp 1,2,3,4: Theo mục 2.5 nội dung 2 phần II.

Lớp 5: thực hiện theo công văn 4329/BGDĐT-GDTH ngày 27/6/2013.

- Khai thác, sử dụng hiệu quả trang thiết bị hiện có; tham mưu với các cấp bổ sung thiết bị cần thiết tối thiểu cho phòng tiếng Anh. Khuyến khích giáo viên làm đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy.

- Xây dựng môi trường tiếng Anh: Tổ chức các hình thức dạy và học bao gồm cả trong và ngoài lớp học; tạo môi trường sử dụng và thể hiện bằng tiếng Anh tối đa cho giáo viên, học sinh; xây dựng kế hoạch hoạt động ngoài giờ lên lớp, tổ chức các loại hình câu lạc bộ tiếng Anh; khuyến khích đọc sách, truyện tiếng Anh; tổ chức, khuyến khích học sinh tham gia cuộc thi, sân chơi có sử dụng tiếng Anh; phát động phong trào giáo viên tham gia cùng học tiếng Anh với học sinh...

- Quan tâm bồi dưỡng, giúp đỡ để học sinh tham gia thi IOE các cấp.

### **6.2. Dạy học môn Tin học**

- Tiếp tục tổ chức có chất lượng dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục Tin học cấp tiểu học theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019; Công văn số 5087/BGDĐT ngày 21/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

- Tổ chức câu lạc bộ môn học, khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi để phát hiện và bồi dưỡng năng lực tin học, tư duy khoa học máy tính, hình thành và nuôi dưỡng đam mê khoa học, công nghệ cho học sinh.

- Tạo điều kiện cho giáo viên dạy môn Tin học được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ dạy học Tin học và Công nghệ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 với lớp 3,4.

- Thực hiện các giải pháp tăng cường tổ chức các hoạt động giáo dục Tin học, hoạt động giáo dục STEM, STEAM tiếp cận công nghệ số góp phần phát triển năng lực đặc thù Tin học, Khoa học, Công nghệ cho học sinh tiểu học

- Tham mưu tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học.

## **7. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm**

### **7.1. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu**

- Tổ chức rà soát, kiểm tra phân loại các đối tượng học sinh, thành lập các câu lạc bộ theo môn học, theo sở thích, năng khiếu của từng học sinh.

- Lựa chọn giáo viên có năng lực phù hợp với các môn học, hoạt động giáo dục để hướng dẫn học sinh phát triển năng khiếu.

- Đưa hình thức học bồi dưỡng phù hợp với tâm lý học sinh như: Học trên lớp, tự làm bài tập trong tạp chí Toán tuổi thơ, văn tuổi thơ, giao lưu, chia sẻ với bạn trong câu lạc bộ..., giúp các em học một cách thoải mái.

- Khuyến khích học sinh tham gia các sân chơi: giải toán, Tiếng Anh qua mạng; Violympic Toán, Trạng nguyên Tiếng Việt, Trạng nguyên Toàn tài...

### **7.2. Phụ đạo học sinh tiếp thu chậm**

- Các giáo viên chủ nhiệm lập danh sách học sinh chưa đạt yêu cầu do mình phụ trách, theo dõi sự tiến bộ của các em từ ý thức và qua kết quả học tập ngay trong các giờ học.

- Theo dõi sát sao, hướng dẫn phương pháp học tập, phối hợp với gia đình học sinh thường xuyên động viên, khuyến khích các em tạo sự cố gắng thực sự trong học tập và rèn luyện ý thức đạo đức, nhằm kịp thời khắc phục tình trạng học sinh yếu kém, lười học tập...

- Thời gian thực hiện: Trong các tiết học, các giờ tự học, các tiết học tăng cường, các giờ truy bài.

## **8. Thực hiện giáo dục đối với học sinh khuyết tật**

- *Đối với trẻ khuyết tật*

+ Thực hiện Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 Quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

- + Thường xuyên cập nhật, huy động và duy trì tối đa số trẻ khuyết tật có khả năng học tập đến trường (hiện tại có 01 em tật thính giác đang học hoà nhập).
- + Tổ chức hoạt động giáo dục học sinh khuyết tật đúng hướng dẫn, xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân học sinh khuyết tật.
- + Tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.
- + Thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với học sinh khuyết tật theo Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013.
- *Đối với trẻ lang thang cơ nhỡ*: Thực hiện đúng theo TT số 39/2009/TT-BGDĐT ngày 19/12/2009 của Bộ GDĐT quy định giáo dục hòa nhập cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

## **V- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch; chịu trách nhiệm chung về các hoạt động giáo dục của nhà trường.
- Tổ chức thực hiện tốt công tác truyền thông Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tham mưu cấp trên về xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị, đồ dùng dạy học.
- Ban hành quyết định thành lập tổ chuyên môn; quyết định bổ nhiệm các chức danh tổ trưởng, tổ phó tổ chuyên môn. Phân công giáo viên chủ nhiệm lớp và giảng dạy các môn học và hoạt động giáo dục.
- Chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, lớp 2, 3, 4 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra nội bộ các hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- Tổ chức các hoạt động bồi dưỡng chuyên môn cho đội ngũ.
- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **2. Phó Hiệu trưởng**

- Giúp Xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường và tổ chức triển khai, thực hiện kế hoạch. Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường.
- Cùng hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018 đối với lớp 1, 2,3, 4 và Chương trình giáo dục phổ thông 2006 đối với lớp 5; kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình của giáo viên.
- Quản lý, chỉ đạo các hoạt động chuyên môn; công tác thư viện, thiết bị; quản lý các phần mềm liên quan đến hoạt động chuyên môn; công tác phổ cập.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp; hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ và các hoạt động khác có liên quan đến các hoạt động giáo dục.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, cấp trường về dạy học theo Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018.

- Tham gia sinh hoạt chuyên môn ở tổ để tư vấn, định hướng công tác chuyên môn cho giáo viên.

### **3. Tổ trường chuyên môn**

- Chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng kế hoạch dạy học các môn học/HĐGD của tổ/khối chuyên môn, triển khai nghiên cứu góp ý xây dựng dự thảo Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2023-2024 của trường; xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ tổ chuyên môn, kế hoạch sinh hoạt chuyên môn tổ. Xây dựng chương trình công tác hàng tuần, hàng tháng để triển khai thực hiện và có trách nhiệm đôn đốc tổ viên thực hiện.

- Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo chuyên đề và theo nghiên cứu bài học; đổi mới phương pháp dạy học và lựa chọn nội dung dạy học; những vấn đề vướng mắc trong việc thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. Dự giờ, góp ý, rút kinh nghiệm tiết dạy cho giáo viên; bồi dưỡng giáo viên trong tổ.

- Tổng hợp báo cáo chất lượng giáo dục của tổ.

### **4. Giáo viên chủ nhiệm**

- Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm và giảng dạy theo bộ môn phụ trách

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của lớp, môn giảng dạy.

- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh. Tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại, ghi học bạ. Báo cáo các mặt theo yêu cầu của Ban Giám hiệu và các tổ chức có liên quan trung thực, chính xác.

- Giữ mối liên hệ chặt chẽ với CMHS.

- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.

- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

### **5. Đối với giáo viên phụ trách môn học**

- Xây dựng kế hoạch giảng dạy theo bộ môn phụ trách.

- Chịu trách nhiệm giảng dạy theo sự phân công của Hiệu trưởng.

- Thực hiện nghiêm túc nội quy chế chuyên môn.

- Chịu trách nhiệm chất lượng của môn giảng dạy.

- Chịu trách nhiệm trong việc đánh giá, xếp loại học sinh.
- Kết hợp với nhà trường, liên đội tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp trong và ngoài nhà trường.
- Tham gia đầy đủ các buổi chuyên đề do các cấp tổ chức.

## **6. Tổng phụ trách Đội**

Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh và Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh ở nhà trường góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh.

Xây dựng kế hoạch chào cờ đầu tuần, tham mưu hiệu trưởng về việc phân công các thành viên chuẩn bị nội dung chào cờ.

Phụ trách công tác thi đua học sinh, xây dựng tiêu chí thi đua học sinh.

Tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm khi được phân công.

## **6. Nhân viên thư viện, thiết bị**

Tham mưu hiệu trưởng về kế hoạch trang bị sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học phục vụ việc giảng dạy theo chương trình giáo dục phổ thông.

Xây dựng kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị.

Tổ chức giới thiệu sách, thiết bị. Khuyến khích học sinh thường xuyên đọc sách, giáo viên thường xuyên sử dụng có hiệu quả thiết bị và đồ dùng dạy học.

Tham mưu tổ chức ngày hội đọc sách, hội thi kể chuyện theo sách; tham mưu hội thi làm đồ dùng dạy học.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2023 - 2024 của Trường Tiểu học Yết Kiêu. Đề nghị các tổ chuyên môn, cá nhân thực hiện nghiêm túc. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, giáo viên kịp thời báo cáo đề lãnh đạo nhà trường có biện pháp giải quyết cho hợp lý và hiệu quả./.

*Nơi nhận*

- Phòng GDĐT (để b/c);
- CB, GV, NV nhà trường (để t/h);
- Lưu: VT

**HIỆU TRƯỞNG**



**Phạm Thị Luyện**

**PHÊ DUYỆT CỦA PHÒNG GD&ĐT GIA LỘC**